TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÂM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thanh Thủy
- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa*:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị N, sinh năm xxxx; nơi thường trú: tổ B, khu B, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ở hiện tại: tổ B, khu B, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Lê Văn L, sinh năm xxxx; nơi cư trú: : tổ B, khu B, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày: chị kết hôn với anh Lê Văn L vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu là 2 năm. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà trọ thuộc phường CP đến năm 2016 thì chuyển về sinh sống tại nhà riêng ở tổ B, khu B, phường CP, thành phố C. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, nhiều lúc không làm chủ được bản thân chửi mắng, xúc phạm, thậm chí còn đánh đập khiến chị lo sợ, không tin tưởng vào tình cảm của anh L nữa. Mặt khác, anh L cũng không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, từ năm 2017 đến nay một mình chị phải chăm sóc, lo lắng cho cả hai con chung; chị không thể tin tưởng vào anh L nên đã có ý định xin ly hôn anh L từ thời gian này. Tuy nhiên, vì các con chung nên chị lại cho anh L thời gian thay đổi. Bản thân anh L cũng đã viết bản cam kết với nội dung anh L có chơi bời, rượu chè làm ảnh hưởng tới gia đình, hai bên nội ngoại và hứa sẽ thay đổi,

nếu không thay đổi anh L sẽ tự bỏ gia đình, không làm chị suy nghĩ nữa. Vì vậy anh chị tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng từ thời gian đó đến nay, anh L không thay đổi, không cùng chị chăm lo cho gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Chị có nói chuyện, phân tích nhưng anh L lại chửi mắng, xúc phạm chị, các con phải chứng kiến sự việc này xảy ra nhiều lần khiến chị không muốn chung sống anh L nữa. Ngoài ra, anh L còn nợ nần ở ngoài, chị cũng đã phải trả nợ cho anh L nhiều lần, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Cuộc sống hôn nhân của anh chị thực sự không có hạnh phúc, chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi khi phải chung sống trong tình cảnh như vậy với anh L. Chị quyết định ly thân với anh L từ tháng 9/2022 và đưa hai con chung về nhà bố mẹ chị sinh sống đến nay, không còn quan tâm gì đến anh L nữa. Anh L có vài lần nói chuyện với chị về việc hàn gắn tình cảm nhưng anh ấy chỉ nói mà không có hành động gì thay đổi bản thân khiến chị không còn tin tưởng, không thể về chung sống, hòa giải mâu thuẫn được. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể khắc phục được, tình cảm dành cho anh L không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: chị và anh L có hai con chung là: Lê Thị N, sinh ngày xx/x/xxxx và Lê Thị Thu M, sinh ngày xx/x/xxxx. Khi ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho các con. Vì các con chung đều là con gái, lại đang ở trong độ tuổi sắp dậy thì, cần sự chăm sóc, bảo ban của mẹ nhiều hơn. Bản thân anh L trong thời gian chung sống đến khi anh chị ly thân không có trách nhiệm với các con, thực tế con chung do một mình chị chăm sóc từ nhỏ, chị cũng không muốn các con chung phải xa nhau. Chị làm công nhân và làm thêm công việc ở ngoài thu nhập trên 11 triệu đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế chăm sóc con chung. Hai con chung đều có nguyện vọng được chị nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và vay nợ chung: chị và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không chia sẻ tâm tư, tình cảm với nhau dẫn đến những hiểu lầm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Việc chị N trình bày anh có rượu chè hay chưa quan tâm đến gia đình là đôi lúc do công việc anh có uống rượu với bạn bè nhưng không thường xuyên. Anh thấy chị N không tin tưởng, cho rằng anh không quan tâm và dành tình cảm cho vợ, không chăm sóc các con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, anh cũng đã cố gắng khắc phục bằng cách viết bản cam kết những lỗi sai trong quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2017 để chị N hiểu và thông cảm nhưng chị N vẫn không trân trọng, yêu thương anh như trước nữa. Anh nhận thấy cả hai cùng có lỗi, chị N không chia sẻ công việc, cuộc sống gia đình với anh, còn anh do công việc cũng chưa quan tâm chu đáo đến gia đình nhưng không có việc anh đánh chị N. Vì những mâu thuẫn không thể hòa giải được, anh chị đã quyết định ly thân từ tháng 9/2022, chị N đã đưa hai con chung về

nhà ngoại sinh sống, còn anh vẫn ở nhà cũ. Anh đã nói chuyện hòa giải tình cảm nhưng chị N không đồng ý. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và đại diện khu phố hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh thấy vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nữa, tình cảm dành cho nhau không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: anh và chị N có hai con chung như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh xin nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thu M; chị N nuôi dưỡng con chung Lê Thị N, không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Anh biết các con chung có nguyện vọng ở cùng chị N nhưng anh cũng muốn giúp chị N không phải vất vả chăm sóc cho con chung. Hiện nay anh làm công nhân, thu nhập trung bình là 13 triệu đồng/tháng; nếu được nuôi con, anh sẽ đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống để tiện chăm sóc vì anh không có nhiều thời gian chăm lo, đưa đón con học hành.

Về tài sản chung: anh và chị N tự thỏa thuận về tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác M thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các điều 97, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị N; về quan hệ hôn nhân: chị N được ly hôn với anh L; về con chung: chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị N và Lê Thị Thu M, anh L không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Vũ Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn L hiện cư trú tại tổ 49, khu 4, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 143/2011, ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Lê Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau không chia sẻ tâm tư, tình cảm với nhau dẫn đến những hiểu lầm, mâu thuẫn không thể hàn gắn; anh L không quan tâm chăm sóc cho gia đình và các con, còn ham chơi, hay uống rượu; chị N có khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi. Anh chị đã quyết định sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, chị N đã đưa hai con chung về nhà ngoại sinh sống,

không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không dành tình cảm cho nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và đại diện khu phố hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N kiên quyết xin ly hôn với anh L, để chị và các con yên tâm ổn định cuộc sống.

Theo xác M tại địa phương thể hiện: chị N và anh L là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc cãi vã, mâu thuẫn; anh L còn ham chơi, không quan tâm đến gia đình, chăm lo cho các con. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị N và anh L đã sống ly thân, không ở cùng nhau; chị N đã đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ sinh sống và không quay lại với anh L nữa.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh L là trầm trọng, hai người sống ly thân từ năm 2022, cả hai đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời khai về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị N, anh L cũng phù hợp với lời khai của các con chung của anh chị, phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N về việc xin ly hôn với anh Lê Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị N và anh L có hai con chung là: Lê Thị N, sinh ngày 05/7/2012 và Lê Thị Thu M, sinh ngày 03/10/2014; con chung của anh chị có nguyện vọng được chị N nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, chị N cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cho biết: hiện tại hai con đang ở cùng chị N, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo phát triển tốt và đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của con chung. Xét thấy, chị N có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển tốt; con chung lại là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N là chính đáng. Nguyện vọng được nuôi con chung của chị N cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và phù hợp với kết quả xác M tại địa phương nơi cư trú. Do đó, việc giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung Lê Thị N và Lê Thị Thu M cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), để đảm bảo lợi ích toàn diện của con chung. Do chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Vũ Thị N và anh Lê Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung; không vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: chị Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Lê Văn L.

2. Về con chung: giao con chung Lê Thị N, sinh ngày 05/7/2012 và Lê Thị Thu M, sinh ngày 03/10/2014 cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Vũ Thị N và anh Lê Văn L tự thỏa thuận về tài sản chung; không vay nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số: 000xxxx ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường CP, Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Đông